

KẾ HOẠCH

Triển khai Chương trình hành động số 67-CTr/TU ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị “về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai”

Thực hiện Chương trình hành động số 67-CTr/TU ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng Công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai (gọi tắt là *Chương trình hành động số 67-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Cụ thể hóa và triển khai thực hiện các mục tiêu, hoàn thành các nhiệm vụ và giải pháp xác định trong Chương trình 67-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Yêu cầu: Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng quan điểm, mục tiêu và nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 67-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu, phù hợp với tình hình thực tế, gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung các nguồn lực xã hội và các lợi thế của tỉnh tạo động lực quan trọng để thực hiện ứng dụng công nghệ sinh học nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; ứng dụng công nghệ sinh học một cách rộng rãi trong các ngành, lĩnh vực, nhằm thay đổi căn bản trong các ngành sản xuất; đặc biệt, là ngành nông nghiệp, y dược là thế mạnh của tỉnh; xây dựng ngành công nghệ sinh học có nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở vật chất kỹ thuật, tài chính đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển kinh tế; từng bước đưa Gia Lai trở thành tỉnh có nền sản xuất, ứng dụng công nghệ sinh học phát triển trong khu vực Tây Nguyên và cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Triển khai ứng dụng, tiếp nhận và làm chủ công nghệ tạo ra các chế phẩm sinh học phục vụ cho sản xuất, chuyển dần các sản phẩm có nguồn gốc hóa học sang nguồn gốc sinh học đạt tỷ lệ từ **50% trở lên**; góp phần từng bước xây dựng nền kinh tế an toàn, tuần hoàn, theo hướng hữu cơ có giá trị gia tăng cao và bền vững.

- Tăng quy mô đầu tư **50%** so với hiện nay về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ sinh học đối với các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập nhằm phát triển trình độ công nghệ sinh học của tỉnh đạt loại khá của vùng Tây Nguyên trong hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận quy trình, thành tựu về công nghệ sinh học.

- Triển khai, phát triển ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý các chất thải gây ô nhiễm, phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường **góp phần giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**; nghiên cứu ứng dụng, tiếp nhận và làm chủ được **10-15 quy trình** công nghệ sinh học trong chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi..., **từ 5-7 quy trình** công nghệ sinh học trong công nghiệp bảo quản, chế biến...; **hỗ trợ 5-10 doanh nghiệp** ứng dụng công nghệ sinh học.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

- Hỗ trợ 10-15 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại nhằm mang tính dẫn dắt các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh đạt loại khá của cả nước.

- Triển khai/làm chủ được một số công nghệ sinh học mới, hiện đại, tạo ra sản phẩm có chất lượng **đạt tiêu chuẩn quốc tế**.

- Tăng cường công tác quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực đủ trình độ làm chủ công nghệ, tiếp nhận, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, hiện đại ở quy mô công nghiệp.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tuyên truyền, phổ biến, cập nhật thành tựu về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Cập nhật kịp thời các thành tựu công nghệ sinh học thông qua các kênh thông tin. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng về thành tựu, kết quả đạt được trong phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

2. Đầu tư tiềm lực phục vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Xây dựng nguồn nhân lực phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học: Xây dựng mô hình đào tạo nhân lực công nghệ sinh học từ lao động nghề đến đại học, sau đại học. Tổ chức hợp tác, đào tạo nhân lực công nghệ sinh học có trình độ cao và liên kết đào tạo nhân lực giữa các doanh nghiệp công nghệ sinh học, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo.

- Đầu tư tiềm lực về cơ sở vật chất: Xây dựng, hỗ trợ, phát triển một số cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học. Hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động kinh doanh, dịch

vụ công nghệ sinh học hiện đại hoá công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm công nghệ đạt trình độ cao.

3. Phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học và phát triển công nghiệp sinh học

- Ưu tiên phát triển, ứng dụng và chuyển giao có hiệu quả các tiến bộ về công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp chế biến; lĩnh vực y dược, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng; lĩnh vực bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Xây dựng chương trình, đề án phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, y tế, môi trường. Tổ chức nghiên cứu, sản xuất hoặc tiếp nhận chuyển giao làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đạt chất lượng quốc tế.

IV. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền vai trò của công nghệ sinh học trong phát triển kinh tế - xã hội

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học bằng nhiều hình thức phong phú, phù hợp với từng địa bàn, nhóm đối tượng. Quán triệt vai trò của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là một nội dung, nhiệm vụ được xác định trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh. Định hướng các phương tiện truyền thông như: Báo Gia Lai, Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh,... viết tin, bài, mở chuyên trang, chuyên mục để nêu gương các mô hình, cách làm giỏi, những điển hình trong nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học; tuyên truyền ở cấp cơ sở bằng hình thức mô hình; kịp thời khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả.

- **Đơn vị thực hiện:** Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng hiện đại, xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, y dược của tỉnh

2.1. Phát triển công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao

a) Tập trung phát triển nông nghiệp quy mô lớn, mang tính hàng hóa theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, sinh thái, hữu cơ, công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

b) Tập trung thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học, bảo đảm an toàn sinh học; khuyến

khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào các hoạt động tiếp nhận và chuyển giao công nghệ sinh học để phục vụ phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

c) Làm chủ công nghệ nhân giống vô tính đối với sản phẩm nông nghiệp quy mô công nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất trong tỉnh và các vùng lân cận; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học tạo các chế phẩm sinh học thế hệ mới trong nông nghiệp và kiểm soát dư lượng các chất cấm trong nông sản có nguồn gốc hóa học; chuyển giao, nhân rộng trong sản xuất công nghệ sinh học các giống cây trồng, vật nuôi chủ lực có giá trị kinh tế cao của tỉnh.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm

d) Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ sản xuất: Phân bón vi sinh, chế phẩm sinh học cải tạo đất, chế phẩm bảo vệ thực vật và chất kích thích sinh trưởng có nguồn gốc thực vật, xử lý phụ phẩm nông nghiệp và ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và sức khỏe con người, vật nuôi; tạo cơ sở hình thành nền kinh tế nông nghiệp tuần hoàn mang lại giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững. Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ enzym, protein, vi sinh vật tạo sản phẩm phục vụ chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vật nuôi.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

2.2. Phát triển công nghệ sinh học phục vụ bảo quản sau thu hoạch sản phẩm nông nghiệp

Ứng dụng và phát triển công nghệ tạo chế phẩm sinh học phục vụ sơ chế, bảo quản đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông sản chủ lực, như: Sử dụng công nghệ màng sinh học trong bảo quản để điều chỉnh thời gian thu hoạch; Ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến: Phát triển các chế phẩm phục vụ sản xuất các loại thực phẩm lên men có nguồn gốc tự nhiên phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; ứng dụng công nghệ vi sinh tạo ra chuỗi các sản phẩm từ nông nghiệp có giá trị gia tăng cao; công nghệ sinh học xử lý phụ phẩm trong nông nghiệp để tái sử dụng; Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, các chất phụ gia, các chất màu tự nhiên để bảo quản và chế biến nông, thủy sản.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

2.3. Phát triển công nghệ sinh học phục vụ sản xuất các sản phẩm từ nguồn cây dược liệu của tỉnh phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh, công nghệ di truyền,... để phát triển sản xuất các giống cây dược liệu có tác dụng dược tính, giá trị kinh tế và bảo tồn nguồn gen cây dược liệu của tỉnh. Tập trung nguồn lực, đầu tư, hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong việc tiếp nhận và ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại để trồng và chế biến sâu các sản phẩm từ nguồn cây dược liệu trên địa bàn tỉnh.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Y tế

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

3. Ứng dụng công nghệ sinh học trong quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Tập trung triển khai các nhiệm vụ trong việc chuyển giao, tiếp nhận, làm chủ và nhân rộng các kết quả nghiên cứu, công trình khoa học đã được Nhà nước công nhận, cho phép ứng dụng nhằm phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường; giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen; sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; khuyến khích sản xuất nguyên, nhiên liệu sinh học, sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái tạo, sử dụng nguyên liệu thực vật, thân thiện với môi trường để thay thế các sản phẩm nhựa; khuyến khích xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Tài nguyên và Môi trường.

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp hoạt động nông nghiệp thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ sinh học nhằm nâng cao năng lực tiếp cận và làm chủ công nghệ, đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ; nghiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp; xây dựng thương hiệu, thương mại hóa sản phẩm; khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học có giá trị, ứng dụng hiệu quả trong công nghiệp sinh học.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Khoa học và Công nghệ.

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

c) Xây dựng chương trình/đề án phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, y

tế, môi trường của tỉnh. Tổ chức nghiên cứu, sản xuất hoặc tiếp nhận chuyển giao làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đạt chất lượng quốc tế.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Công thương.

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Giai đoạn 2025-2030 và đến 2045.

4. Nâng cao chất lượng nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, gắn với phát triển công nghệ sinh học

a) Xây dựng mô hình đào tạo nguồn nhân lực công nghệ sinh học, ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực của các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ sinh học; phát triển các mô hình đào tạo mới, mô hình liên kết với các nước có nền khoa học, công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại nhằm đảm bảo số lượng, chất lượng nguồn nhân lực công nghệ sinh học đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Tập trung đào tạo mới và đào tạo nâng cao đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao theo hướng hình thành các nhóm nghiên cứu, nhóm làm việc về công nghệ sinh học nhằm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng vào sản xuất.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Giáo dục và Đào tạo.

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

b) Tổ chức các lớp đào tạo kỹ thuật viên, đào tạo nghề về công nghệ sinh học, kết hợp bồi dưỡng tập huấn chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật mới trong lĩnh vực công nghệ sinh học cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tại địa phương. Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

c) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hiện đại hóa máy móc, thiết bị, hoàn thiện và đồng bộ hóa trang thiết bị hiện có của các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, đơn vị trên địa bàn tỉnh để tiếp nhận và thực hiện chuyển giao các quy trình công nghệ sinh học tiên tiến, quy mô lớn đáp ứng yêu cầu sản xuất tại địa phương đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, hiệu quả kinh tế cao. Đầu tư phát triển các một số cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học; đầu tư phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin về công nghệ sinh học phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Giai đoạn 2025-2030.

5. **Đẩy mạnh hợp tác trong nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học**

- Chủ động, tăng cường hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để nghiên cứu, chuyển giao, tiếp nhận các công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao trong lĩnh vực sinh học. Trong đó, đẩy mạnh hợp tác với các Viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức khoa học và công nghệ trong nước để triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng các thành tựu của công nghệ sinh học vào thực tiễn sản xuất, trong khám chữa bệnh, bảo vệ môi trường,...

- Tập trung hỗ trợ và phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học và trong hoạt động phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm,... phục vụ trong công tác quản lý và hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế phát triển nguồn nhân lực thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cử cán bộ, kỹ sư và các nhà khoa học của tỉnh tiếp nhận chuyển giao, trao đổi công nghệ từ các nước có nền công nghệ sinh học phát triển.

- **Đơn vị chủ trì thực hiện:** Sở Khoa học và Công nghệ

- **Đơn vị phối hợp:** Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hàng năm.

V. **KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước (*chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên*); các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán cho năm sau, các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh được giao chủ trì các nhiệm vụ xây dựng dự toán gửi Sở Tài chính theo đúng quy định, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

VI. **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trên cơ sở Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch của đơn vị mình để triển khai, thực hiện và lồng ghép với chương trình, kế hoạch công tác năm; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm xây dựng, ban hành Kế hoạch cụ thể để thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

Thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện, định kỳ hàng năm trước ngày 20/11 (*hoặc đột xuất khi có yêu cầu*) báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*).

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hàng năm trước ngày 20/12 (*hoặc đột xuất khi có yêu cầu*) tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc hoặc có vấn đề cần trao đổi, đề nghị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan khẩn trương triển khai thực hiện. / *Non*

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh (t/hiện);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (t/hiện);
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



llllh
Nguyễn Thị Thanh Lịch